

Bản án số: **06/2016/HNGĐ-ST**

Ngày: 01/02/2016

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Kim Trọng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Nguyễn Văn Thắng và bà Phạm Thị Lan.
- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:*** Bà Trần Thị Thu Hằng, cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế:*** Ông Đoàn Văn Sinh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 02 năm 2016, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 30/2015/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2015 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 05/2016/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2016, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Ngô Đức T, sinh năm 1983; trú tại: Thôn An Dương, xã Phú Thuận, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.
- ***Bị đơn:*** Chị Ho W, sinh năm 1990; địa chỉ: 516 Dickens Loop, Edmonton, AB T6M- 2S1 Canada. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

**NHẬN THẤY:**

Theo đơn khởi kiện của anh Ngô Đức T và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2008, anh Ngô Đức T và chị Ho W quen biết nhau thông qua sự giới thiệu của một người bạn của anh T và là anh rể của chị Ho W. Sau một thời gian liên lạc và tìm hiểu anh T và chị Ho W quyết định đi đến kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục Việt Nam vào ngày 13/12/2008 và được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/12/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau được khoảng gần 1 tháng thì chị Ho W trở về Canada. Thời gian đầu hai người vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, chị Ho W có làm thủ tục bảo lãnh anh T sang Canada để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được chấp nhận. Từ khoảng đầu năm 2014 đến nay hai người đã không còn thường xuyên liên lạc như trước nữa. Do cả hai sống xa nhau nên tình cảm cũng phai nhạt dần, đến nay anh T thấy tình cảm vợ chồng

không có khả năng đoàn tụ để chung sống hạnh phúc được nên xin ly hôn đối với chị Ho W để ổn định cuộc sống.

Đối với chị Ho W: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi công văn yêu cầu chị trả lời một số vấn đề cần thiết liên quan đến việc anh T xin ly hôn nhưng chị Ho W không có thư trả lời. Theo yêu cầu của anh Ngô Đức T, ngày 27/8/2015 Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Canada nơi chị Ho W cư trú để tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và lấy lời khai của chị Wendy.

Ngày 14/12/2015 Tòa án đã nhận được đơn xin vắng mặt khi xét xử của chị Ho W và ủy quyền toàn bộ việc trình bày, ghi chú vào nội dung bản án cho anh Ngô Đức T, văn bản này đã được Chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự tại Đại sứ quán Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Ôt-ta-oa, Canada vào ngày 18/11/2015.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

### **XÉT THẤY:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét chị Ho W có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 199 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Ho W.

Về kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Ngô Đức T, thấy rằng: Anh T và chị Ho W kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/12/2008. Sau khi kết hôn chị Ho W có làm thủ tục bảo lãnh anh T sang Canada để vợ chồng đoàn tụ nhưng hồ sơ không được chấp nhận. Từ đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai người không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa. Việc anh T xin ly hôn, chị Ho W cũng có thư trả lời xin xét xử vắng mặt và ủy quyền toàn bộ việc trình bày và ghi chú vào nội dung bản án cho anh Ngô Đức T. Xét thấy, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng vợ chồng đoàn tụ sống hạnh phúc là rất khó. Vì vậy, cần chấp nhận cho anh T được ly hôn đối với chị Ho W là phù hợp với pháp luật.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có và không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 123, Khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình, Khoản 1 Điều 199 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Ngô Đức T được ly hôn chị Ho W.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có và không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu 200.000 đồng (được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 005096 ngày 11/6/2015 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế).

Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Ho W có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Kim Trọng**